

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 1 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	8	626	631	5	12.650	63.250	
102	8	698	700	2	12.650	25.300	
103	8	482	487	5	12.650	63.250	
104	8	420	424	4	12.650	50.600	
105	8	437	439	2	12.650	25.300	
106	8	449	451	2	12.650	25.300	
107	PSHC				12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	555	558	3	12.650	37.950	
110	8	273			12.650	0	
111	8	428	432	4	12.650	50.600	
112	8	680	683	3	12.650	37.950	
113	8	432	443	11	12.650	139.150	
114	8	391	395	4	12.650	50.600	
201	8	542	559	17	12.650	215.050	
202	8	380	396	16	12.650	202.400	
203	8	1057	1086	29	12.650	366.850	
204	5	548	553	5	12.650	63.250	
205	7	660	681	21	12.650	265.650	
206	5	613	624	11	12.650	139.150	
207	8	971	990	19	12.650	240.350	
208	8	735	740	5	12.650	63.250	
209	8	884	901	17	12.650	215.050	
210	8	886	899	13	12.650	164.450	
211	8	1122	1140	18	12.650	227.700	
212	8	680	690	10	12.650	126.500	
213	8	738	745	7	12.650	88.550	
214	5	741	752	11	12.650	139.150	
301	8	666	673	7	12.650	88.550	
302	8	647	657	10	12.650	126.500	
303	6	851	866	15	12.650	189.750	
304	8	538	546	8	12.650	101.200	
305	8	560	563	3	12.650	37.950	
306	7	734	744	10	12.650	126.500	
307	PSHC				12.650	0	
308		114	114		12.650	0	
309	8	605	617	12	12.650	151.800	
310	8	621	631	10	12.650	126.500	

311	7	554	564	10	12.650	126.500
312	7	556	566	10	12.650	126.500
313	6	590	602	12	12.650	151.800
314	8	743	747	4	12.650	50.600
401	7	657	671	14	12.650	177.100
402	8	556	573	17	12.650	215.050
403	7	709	734	25	12.650	316.250
404	8	530	536	6	12.650	75.900
405	8	404	411	7	12.650	88.550
406	7	420	431	11	12.650	139.150
407	8	524	537	13	12.650	164.450
408	4	569	581	12	12.650	151.800
409	8	379	381	2	12.650	25.300
410	8	463	465	2	12.650	25.300
411	8	407	409	2	12.650	25.300
412	8	376	378	2	12.650	25.300
413	6	510	518	8	12.650	101.200
414	8	345	357	12	12.650	151.800
501	8	443	446	3	12.650	37.950
502	8	309	312	3	12.650	37.950
503	8	312	315	3	12.650	37.950
504	8	373	375	2	12.650	25.300
505	8	351	356	5	12.650	63.250
506	8	357	360	3	12.650	37.950
507	8	227	230	3	12.650	37.950
508	8	197	199	2	12.650	25.300
509	8	377	384	7	12.650	88.550
510	8	234	235	1	12.650	12.650
511	8	205	207	2	12.650	25.300
512	8	347	349	2	12.650	25.300
513	8	242	243	1	12.650	12.650
514	8	385	387	2	12.650	25.300
Cộng	502			527		6.666.550

(Bảng chữ: Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm lăm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà